

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
"BECAMEX UDJ"

Số: 38/CV-UDJ/2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 05 tháng 12 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên Tổ chức: Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị - Becamex UDJ

Mã chứng khoán: UDJ

Địa chỉ trụ sở chính: C1-2-3 đường DT6, Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ Bình Dương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3816661 -3816681

Fax: 0274.3816655

Email: becamexudj@gmail.com

Người thực hiện công bố thông tin: Huỳnh Gia Đạt

Địa chỉ: C1-2-3 đường DT6, Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ Bình Dương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Điện thoại cơ quan: 0274.3816661 -3816681

Fax: 0274.3816655

Loại công bố thông tin:

Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố: Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 05/12/2022 tại đường dẫn becamexudj.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Tài liệu đính kèm:

- Quy chế công bố thông tin Công ty CP Phát triển Đô thị

HUỲNH GIA ĐẠT

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế công bố thông tin
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị (Becamex UDJ)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBCK ngày 14/7/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế hướng dẫn sử dụng hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Căn cứ Quyết định 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị.
- Căn cứ Nghị quyết số 06/HĐQT/2022 ngày 05/12/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành Quy chế công bố thông tin Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị.

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng Ban chức năng, đơn vị trực thuộc và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2
- Lưu HĐQT



NGUYỄN MINH ĐỒNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
BECAMEX UDJ**

**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**

Ngày 05 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	2
Điều 1: Những căn cứ pháp lý.....	2
Điều 2: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 3: Các ký hiệu viết tắt.....	2
Điều 4: Giải thích từ ngữ.....	3
Điều 5: Người thực hiện CBTT của công ty.....	4
Điều 6: Nguyên tắc CBTT.....	5
CHƯƠNG II: TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	5
Điều 7: Hình thức cung cấp thông tin.....	5
Điều 8: Các nội dung CBTT.....	5
Điều 9: Phương tiện CBTT.....	6
Điều 10: Tạm hoãn CBTT.....	6
Điều 11: Xử lý thông tin công bố.....	6
Điều 12: Sơ đồ quy trình CBTT.....	6
Điều 13: Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và tập thể, cá nhân theo quy định tại.....	7
khoản 2 Điều 2 Quy chế này.	
CHƯƠNG III: XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	8
Điều 14: Xử lý vi phạm.....	8
Điều 15: Hiệu lực của Quy chế.....	8
Phụ lục I: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CBTT CỦA CÔNG TY.....	9
Phụ lục II: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC.....	16

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/QĐ/HĐQT/2022 ngày 05/12/2022 của Hội đồng quản trị)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Những căn cứ pháp lý

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH2014 ngày 17/06/2020;
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
4. Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
5. Quyết định số 450/QĐ-UBCK ngày 14/7/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế hướng dẫn sử dụng hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
6. Quyết định 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con;
7. Tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống quản lý thông tin công ty dành cho công ty niêm yết/đăng ký giao dịch trên sàn HNX (CIMS);
8. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác và các quy định có liên quan của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
9. Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. **Phạm vi điều chỉnh:** Quy chế này quy định việc công bố thông tin của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời quy định việc phối hợp công tác giữa các tập thể, cá nhân thuộc công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.
2. **Đối tượng áp dụng:**
 - 1.1. Người công bố thông tin;
 - 1.2. Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - 1.3. Các tập thể, cá nhân thuộc Công ty gồm: phòng Tổ chức Hành chính, phòng Tài chính Kế toán và phòng Sản xuất Kinh doanh.

Điều 3. Các ký hiệu viết tắt

- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Quy chế công bố thông tin Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị

- IDS: Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
- SGDCK/HNX: Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- CIMS: hệ thống quản lý thông tin công ty của HNX
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- BKS: Ban kiểm soát
- KSV: Kiểm soát viên
- TGD: Tổng giám đốc
- PTGD: Phó Tổng giám đốc
- KTT: Kế toán trưởng
- P. TC - HC: Phòng Tổ chức Hành chính
- P. TC-KT: Phòng Tài chính Kế toán
- P. SXKD: Phòng Sản xuất Kinh doanh
- BCTC: Báo cáo tài chính
- GCNĐKDN: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- NCLQ: Người có liên quan

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. “*Công ty*” là Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị.
2. “*Điều lệ công ty*” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần phát triển Đô thị.
3. “*Người nội bộ*” là:
 - a. Thành viên HĐQT (bao gồm Chủ tịch HĐQT), Thành viên BKS (bao gồm Trưởng ban);
 - b. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc;
 - c. Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng kế toán và các chức danh quản lý tương đương do ĐHĐCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm;
 - d. Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền CBTT, người phụ trách quản trị công ty, thư ký công ty.
4. “*Người CBTT*” là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền CBTT. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố.
5. “*Người có liên quan*” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, gồm:
 - a. Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;
 - b. Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;
 - c. Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, nắm giữ cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;
 - d. Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;
 - e. Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

- f. Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;
 - g. Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f và g khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty;
 - h. Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
 - i. Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
 - j. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - k. Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - l. Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia.
6. “*Người quản lý doanh nghiệp*” bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
 7. “*Ngày CBTT*” là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện CBTT quy định tại Điều 9 Quy chế này.
 8. “*Ngày báo cáo về việc CBTT*” là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo về việc CBTT, tùy theo thời điểm nào đến trước.
 9. “*Dữ liệu điện tử dùng CBTT*” là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng mã Unicode)
 10. “*Bản scan văn bản dùng CBTT*” phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.
 11. “*Văn bản hợp lệ*” là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:
 - a. Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân;
 - b. Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền, bao gồm họ, tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu.
 12. Trang thông tin điện tử là Website của công ty <http://becamexudj.com.vn>
 13. “*Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty đại chúng*” là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được công ty đại chúng mua lại làm cổ phiếu quỹ.
 14. “*Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán*” là tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét BCTC, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

Điều 5. Người thực hiện CBTT của công ty

Người CBTT là Tổng giám đốc Công ty – người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc một cá nhân được Tổng giám đốc công ty ủy quyền CBTT.

1. Tổng giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản cho ít nhất 01 (một) cán bộ (người được ủy quyền) thực hiện CBTT của Công ty.
2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà

cả Tổng giám đốc và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì **Chủ tịch HĐQT** có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT.

3. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện CBTT cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện CBTT bao gồm: Giấy ủy quyền CBTT theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Điều 6. Nguyên tắc CBTT

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài chỉ được thực hiện nếu cá nhân đồng ý.
2. Đối tượng CBTT tại khoản 2 Điều 2 Quy chế này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Khi CBTT, đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy chế này phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công khai thông tin.
4. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.
5. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.
6. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

CHƯƠNG II

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7. Hình thức cung cấp thông tin

Tất cả các thông tin cung cấp phục vụ cho việc CBTT đều được thực hiện bằng văn bản hoặc dữ liệu điện tử đính kèm nội dung theo yêu cầu của UBCKNN, HNX, ...

Điều 8. Các nội dung CBTT

1. Các tập thể, cá nhân quy định tại điểm a và c khoản 2 Điều 2 Quy chế này thực hiện Quy chế công bố thông tin Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị

CBTT theo Phụ lục I đính kèm Quy chế này.

2. Các tập thể, cá nhân quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Quy chế này thực hiện CBTT theo Phụ lục II đính kèm Quy chế này.

Điều 9. Phương tiện CBTT

STT	Đối tượng tiếp nhận thông tin	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục “Cổ đông” trên trang thông tin điện tử (Website) của công ty
2	UBCKNN	Hệ thống CBTT của UBCKNN – IDS
3	SGDCK	Trang thông tin điện tử của HNX – Hệ thống CIMS
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định trong một số trường hợp	Trang thông tin điện tử của VSD, báo in, báo điện tử, ...

• **Lưu ý:**

1. Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, HNX và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ này;
2. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận các dữ liệu trên trang thông tin điện tử;
3. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty vẫn thực hiện CBTT trên chuyên mục cổ đông trang Web công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

Điều 10. Tạm hoãn công bố thông tin

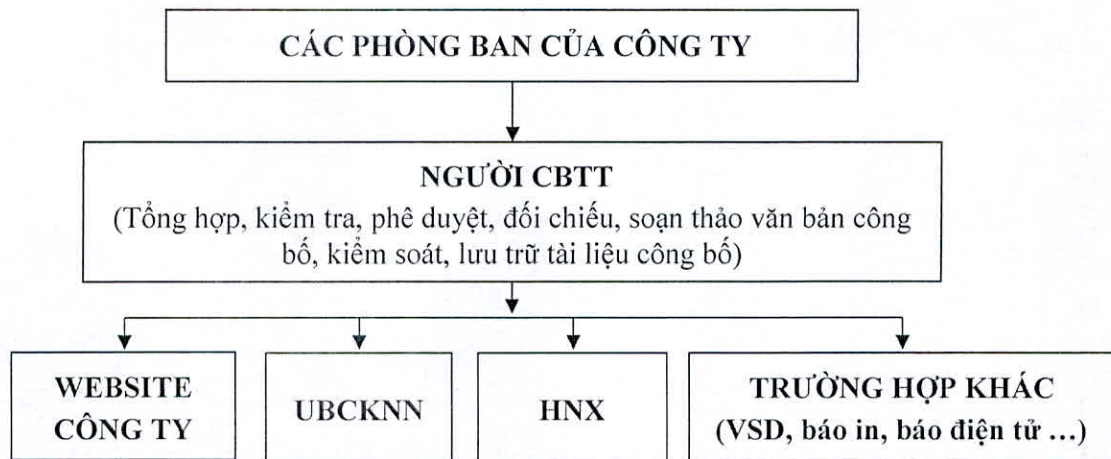
1. Đối tượng CBTT được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Đối tượng CBTT phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT).
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng CBTT có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 11. Xử lý thông tin công bố

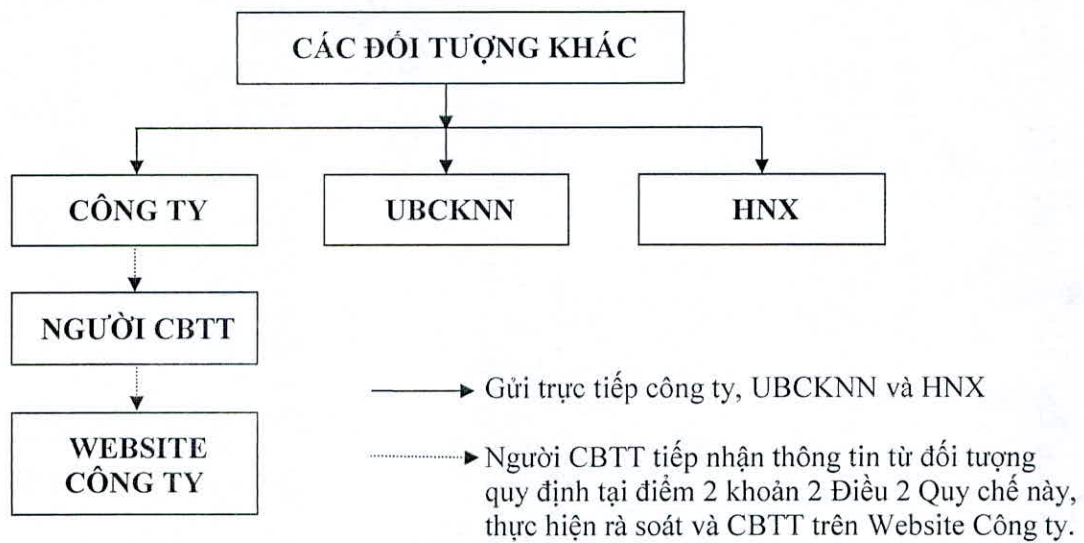
Người CBTT trong phạm vi chức năng của mình, tiến hành kiểm tra tính chính xác của các nội dung báo cáo, công bố của các đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy chế này; thực hiện đối chiếu báo cáo với các quy định hiện hành về CBTT của UBCKNN, HNX; chỉnh sửa hoặc lập báo cáo mới, công bố theo hướng dẫn của UBCKNN, HNX.

Điều 12. Sơ đồ quy trình công bố thông tin

1. Áp dụng cho các tập thể, cá nhân quy định tại điểm 1.1 và 1.3 khoản 2 Điều 2 Quy chế này



2. Áp dụng cho các tập thể, cá nhân quy định tại điểm 1.2 khoản 2 Điều 2 Quy chế này.



Điều 13. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và tập thể, cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy chế này.

1. Người CBTT phải chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty với UBCKNN, HNX, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các tập thể, cá nhân được quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy chế này phải lập báo cáo, công bố theo quy định hiện hành gửi người CBTT hoặc thông báo trực tiếp cho người CBTT. Trường các phòng chuyên môn chịu trách nhiệm tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người CBTT.
3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng chuyên môn có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người CBTT trong vòng 12 (mười hai) giờ kể từ khi phát sinh sự kiện CBTT.
4. Người CBTT phải giám sát việc CBTT và báo cáo HĐQT kết quả thực hiện.

CHƯƠNG III
XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Xử lý vi phạm

Việc xử lý vi phạm về CBTT được thực hiện theo Nghị định 156/NĐ/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Điều 15. Hiệu lực của Quy chế

1. Quy chế này gồm 3 chương, 15 điều, được HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT quyết định. Các nội dung sửa đổi, bổ sung phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
3. Ban Tổng giám đốc, các Phòng Ban thuộc Công ty và các cá nhân, tổ chức liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.
4. Bất cứ vấn đề nào liên quan công tác CBTT của Công ty không được quy định trong Quy chế này sẽ được quy định bởi pháp luật liên quan của Việt Nam về nghĩa vụ CBTT, Quy chế CBTT của SGDCK và các văn bản pháp luật có liên quan.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN MINH ĐỒNG

PHỤ LỤC I
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CBTT CỦA CÔNG TY
(Đính kèm Quy chế Công bố thông tin của Công ty)

STT	Nội dung CBTT	Nơi tiếp nhận/ đăng tải thông tin	Thời hạn CBTT	Ghi chú
I	Công bố thông tin định kỳ			
1	BCTC năm đã được kiểm toán;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	
2	BCTC bán niên đã được soát xét;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính. - Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính trong trường hợp công ty là công ty mẹ của các tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng.	
3	BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý đối với BCTC quý. - Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý đối với BCTC quý được soát xét (nếu có) - Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý trong trường hợp công ty là công ty mẹ của các tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng.	
<p>Lưu ý: Khi CBTT các BCTC nêu trên, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo trước cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại. 				
4	Báo cáo thường niên;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Mẫu PL IV Thông tư 96/2020/TT-BTC
5	Hợp ĐHĐCĐ thường niên;			
5.1	CBTT hợp ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu hợp;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc hợp ĐHĐCĐ thường niên.	
5.2	CBTT biên bản họp, nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành nghị quyết	
6	Báo cáo tình hình quản trị công ty;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.	Mẫu PL V Thông tư 96/2020/TT-BTC



7	Bản cung cấp thông tin về quản trị công ty.	SGDCK	- Báo cáo 06 tháng đầu năm: chậm nhất là ngày 30/07 - Báo cáo năm: chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo	Mẫu PL III Thông tư 96/2020/TT-BTC
II CBTT bất thường. Phải ghi rõ thông tin sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)				
1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
3	Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
4	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện mua quyền mua cổ phần của người			



	sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
7	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
8	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tặng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	

	ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;			
9	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của công ty đại chúng;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
10	Khi có sự thay đổi cổ phiếu có quyền biểu quyết;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	<ul style="list-style-type: none"> - 24 giờ tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán trong trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu. - 24 giờ tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ trong trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ - Trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT trong trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông 	Mẫu PL V Quyết định 21/QĐ-SGDVN
11	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
12	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC 06 tháng gần nhất được soát xét.	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	

	Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;			
13	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
14	Khi nhận được bản án, quyết định đã xó hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
15	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
16	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
17	Khi xảy ra các sự kiện có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị công ty;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
18	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
19	Quyết định tăng giảm vốn Điều lệ;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
20	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC 06 tháng gần nhất được soát xét (căn cứ vào BCTC hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ) ;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
21	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên			

	vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
22	Hợp ĐHĐCĐ bất thường			
22.1	CBTT hợp ĐHĐCĐ bất thường và tài liệu hợp;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc hợp ĐHĐCĐ bất thường.	
22.2	CBTT biên bản họp, nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành nghị quyết.	
23	Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty		
23.1	CBTT về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và tài liệu lấy ý kiến	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	
23.2	CBTT Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết ĐHĐCĐ	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành nghị quyết.	
24	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu,	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự hợp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. - Các trường hợp khác tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. 	
25	Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố, công ty đại chúng phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	Trong thời hạn CBTT BCTC năm/bán niên/quý như quy định tại mục 1.1, 1.2, 1.3 nêu trên	
26	Trường hợp đặc biệt khác: Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới	

	quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.			
III	CBTT theo yêu cầu			
1	CBTT theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK	
2	CBTT theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK	
IV	CBTT về các hoạt động khác			
1	CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	Thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.	
2	CBTT tỷ lệ sở hữu nước ngoài	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	Thực hiện theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	
3	CBTT giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty	Thực hiện CBTT theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	

PHỤ LỤC II
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC
(Đính kèm Quy chế Công bố thông tin của Công ty)

STT	Nội dung CBTT	Nơi tiếp nhận/ đăng tải thông tin	Thời hạn CBTT	Ghi chú
I	Công bố thông tin liên quan đến cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết.			
1	Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo về việc trở thành hoặc không còn cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.	UBCKNN, SGDCK, Công ty	05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5%.	
2	Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo về việc thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết (áp dụng đối với Cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty).	UBCKNN, SGDCK, Công ty	05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC	
3	Công ty CBTT về các trường hợp tại mục 1 và 2 nêu trên	Website Công ty	03 ngày làm việc từ ngày nhận được báo cáo của các đối tượng tại mục 1 và 2 nêu trên.	
II	CBTT liên quan đến giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ			
1	Người nội bộ của công ty và người có liên quan của người nội bộ phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK, công khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển	UBCKNN, SGDCK, Công ty	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc.	Theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC

	đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác).			
2	Người nội bộ/người có liên quan phải CBTT về kết quả giao dịch quy định tại mục 1 nêu trên, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có)	UBCKNN, SGDCK, Công ty	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch	Theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC
3	Công ty CBTT trong các trường hợp tại mục 1 và 2 nêu trên	Website Công ty	03 ngày làm việc từ ngày nhận được báo cáo của các đối tượng tại mục 1 và 2 nêu trên.	

